Chi tiết mã HS 6116.10.90

Mã HS	6116.10.90
Mô tả hàng hóa	Găng tay, găng tay hở ngón và găng bao tay, dệt kim hoặc móc / - Được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ hoặc ép với plastic hoặc cao su: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc/đôi
Thời điểm tạo	08/11/2026 09:48:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/61161090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9377
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9377
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9377
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0/0/0	0 / 0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
UKVFTA	0/0/0	0 / 0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VIFTA	11.4/11.4/14	11.4 / 11.4 / 14 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E8943
ATIGA	2022	2022	0	AT!E8896
ATIGA	2023	2023	0	AT!F8896
ATIGA	2024	2024	0	AT!G8896
ATIGA	2025	2025	0	AT!H8896
ATIGA	2026	2026	0	AT!I8896
ATIGA	2027	2027	0	AT!J8896
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E8948
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F8948
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G8948

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H8948
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I8948
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J8948
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E8949
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F8949
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G8949
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H8949
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I8949
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J8949
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F8950
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H8902
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F8908
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G8908
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H8908
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I8908
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J8908
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K8908
VKFTA	2022	2022	0	VK!E8931
VKFTA	2023	2023	0	VK!F8931
VKFTA	2024	2024	0	VK!G8931
VKFTA	2025	2025	0	VK!H8931
VKFTA	2026	2026	0	VK!I8931
VKFTA	2027	2027	0	VK!J8931
VCFTA	2022	2022	4	VC!D8978
VCFTA	2023	2023	2	VC!E8978
VCFTA	2024	2024	0	VC!F8978

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G8978
VCFTA	2026	2026	0	VC!H8978
VCFTA	2027	2027	0	VC!I8978
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D8958
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E8958
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F8958
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G8958
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H8958
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I8958
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D8971
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E8971
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F8971
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G8971
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H8971
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I8971
EVFTA	2022	2022		EV-NK!8978
EVFTA	2023	2023		EV-NK!8978
EVFTA	2024	2024		EV-NK!8978
EVFTA	2025	2025		EV-NK!8978
EVFTA	2026	2026		EV-NK!8978
EVFTA	2027	2027		EV-NK!8978
UKVFTA	2022	2022		UKV!8977
UKVFTA	2023	2023		UKV!8977
UKVFTA	2024	2024		UKV!8977
UKVFTA	2025	2025		UKV!8977
UKVFTA	2026	2026		UKV!8977

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027		UKV!8977
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D8926
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E8926
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F8926
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G8926
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H8926
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I8926
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J8926
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D8965
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E8965
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F8965
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G8965
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H8965
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I8965
RCEP B	2022	2022	0	B!D8965
RCEP B	2023	2023	0	B!E8965
RCEP B	2024	2024	0	B!F8965
RCEP B	2025	2025	0	B!G8965
RCEP B	2026	2026	0	B!H8965
RCEP B	2027	2027	0	B!I8965
RCEP C	2022	2022	0	C!D8965
RCEP C	2023	2023	0	C!E8965
RCEP C	2024	2024	0	C!F8965
RCEP C	2025	2025	0	C!G8965
RCEP C	2026	2026	0	C!H8965
RCEP C	2027	2027	0	C!I8965

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D8964
RCEP D	2023	2023	0	D!E8964
RCEP D	2024	2024	0	D!F8964
RCEP D	2025	2025	0	D!G8964
RCEP D	2026	2026	0	D!H8964
RCEP D	2027	2027	0	D!I8964
RCEP E	2022	2022	0	E!D8968
RCEP E	2023	2023	0	E!E8968
RCEP E	2024	2024	0	E!F8968
RCEP E	2025	2025	0	E!G8968
RCEP E	2026	2026	0	E!H8968
RCEP E	2027	2027	0	E!I8968
RCEP F	2022	2022	0	F!D8965
RCEP F	2023	2023	0	F!E8965
RCEP F	2024	2024	0	F!F8965
RCEP F	2025	2025	0	F!G8965
RCEP F	2026	2026	0	F!H8965
RCEP F	2027	2027	0	F!I8965
VIFTA	2024	2024		VI!8280
VIFTA	2025	2025		VI!8280
VIFTA	2026	2026		VI!8280
VIFTA	2027	2027		VI!8280

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)		01/2021/TT-BLĐTBXH	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6116.10 có 2 dòng thuế; dòng 6116.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	6116.10.10 Găng tay của thợ lặn	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6116.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 6116.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9377), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.